TAND HUYỆN QUAN HÓA **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2017/HNGĐ - ST
Ngày 26 tháng 9 năm 2017
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA – TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ Hỷ;

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Văn Mừng;
2. Ông: Nguyễn Văn Tám;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, Thanh Hóa.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa. Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, Thanh Hóa đã đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 39/2017/TLST – HNGĐ, ngày 25/7/2017 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2017/QĐST – HNGĐ, ngày 12 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Hà Thị D – sinh năm 1986;
Nơi ĐKNKTT: bản TL, xã T, huyện QH, tỉnh Thanh Hóa.
Nơi ở hiện nay: bản T, xã T, huyện QH, tỉnh Thanh Hóa.
(vắng mặt có lý do);

2.Bị đơn: Hà Văn H – sinh năm 1989;
Địa chỉ: bản TL, xã T, huyện QH, tỉnh Thanh Hóa;
(vắng mặt có lý do);

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 25/7/2017 của chị Hà Thị D là nguyên đơn và bản tự khai, bản ý kiến của đương sự, các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

** Về hôn nhân*: Nguyên đơn Hà Thị D và bị đơn Hà Văn H kết hôn với nhau vào năm 2010, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, thật sự yêu thương nhau và không bị ai ép buộc được hai bên 2 gia đình đồng ý, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện QH vào ngày 23/7/2010. Sau khi lấy nhau về vợ chồng chung sống hạnh

phúc, tháng 3 năm 2014 thì tình cảm vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn tình cảm vợ chồng là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm, suy nghĩ, cách sống của mỗi người là khác nhau, không thông cảm cho nhau nên không tìm thấy sự hòa hợp trong đời sống vợ chồng; nguyên đơn cho rằng bị đơn Hà Văn H sống không có trách nhiệm với gia đình, không tu trí làm ăn, thường xuyên tụ tập rượu chè say xỉn, rồi chửi bới, đánh đập xúc phạm vợ con. Mâu thuẫn tình cảm vợ chồng đã được 2 bên gia đình, chính quyền địa phương nhiều lần dàn xếp, hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2016 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa.

Trước tình trạng mâu thuẫn tình cảm vợ chồng như vậy, hiện nay chị D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy nguyên đơn Hà Thị D đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, Thanh Hóa giải quyết cho chị được ly hôn với bị đơn Hà Văn H.

**Về con cái*: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung, tên cháu là Hà Linh S – sinh ngày 01/5/2014, hiện nay cháu Hà Linh S đang ở với chị D. Do anh H hay uống rượu, thiếu sự quan tâm chăm sóc con cái, nếu để cho cháu Linh S ở với anh H thì sẽ không bảo đảm đầy đủ các điều kiện phát triển của con. Vì vậy nguyên đơn Hà Thị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hà Linh S và đề nghị bị đơn Hà Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.000.000đ(Một triệu đồng)/tháng, cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành(đủ 18 tuổi).

**Về tài sản và công nợ:* Tài sản chung, tài sản riêng và công nợ vợ chồng không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn Hà Văn H tại bản tự khai, bản ý kiến ngày 10/8 và 04/9/2017 và các tài liệu trong quá trình giải quyết vụ án anh H trình bày:

* Về hôn nhân: Anh thừa nhận như nội dung mâu thuẫn tình cảm vợ chồng như chị Duyến trình bày, tuy nhiên anh cho rằng mâu thuẫn tình cảm chưa đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng vẫn còn và có thể hàn gắn được, anh mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ để chăm lo làm ăn, chăm sóc con cái. Do đó anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hà Thị D về phần hôn nhân.

*Về con cái: Bị đơn thừa nhận vợ chồng có 01 con chung như chị D trình bày, hiện nay cháu Hà Linh S đang ở với chị D ở bản T, xã T, huyện QH. Anh có đủ các điều kiện để chăm sóc, giáo dục cháu Hà Linh S, do đó anh không đồng ý với ý kiến của chị D về việc nuôi con. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giao dục cháu Hà Linh S và không đề nghị nguyên đơn Hà Thị D cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản và công nợ: bị đơn Hà Văn H nhất trí với ý kiến của nguyên đơn về vấn đề này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thảo luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Hà Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn, nuôi con với anh Hà Văn H. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2.Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Hà Văn H có nơi cư trú tại bản TL, xã T, huyện QH, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa có thẩm quyền giải quyết vụ án.

*1.3.*Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ. Nguyên đơn bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xử vắng mặt họ, không thuộc trường hợp vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và được HĐXX chấp nhận. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn Hà Thị D và bị đơn Hà Văn H.

[2] Về nội dung:

2.1Về hôn nhân: Nguyên đơn Hà Thị D và Hà Văn H tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 23/7/2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện QH, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2016 đến nay. Chị D xin ly hôn, anh H không đồng ý vì anh cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn nên vẫn có thể hàn gắn được. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy về hôn nhân giữa nguyên đơn Hà Thị D và bị đơn Hà Văn H đời sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2016 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Vì vậy nên chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Hà Thị D là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

2.2.*Về con cái*: Vợ chồng có 01 con chung Hà Linh S như vợ chồng đã thống nhất ở trên. Quá trình giải quyết vụ án cả nguyên đơn Hà Thị D và bị đơn Hà Văn H đều có nguyện vọng được nuôi con. Căn cứ thực tế điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì điều kiện của nguyên đơn tốt hơn so với bị đơn, vì nguyên đơn là cán bộ UBND xã T, mức thu nhập hàng tháng là 3.800.000đ(Ba triệu tám trăm nghìn đồng)/tháng, trong khi đó anh H là lao động tự do, thu nhập không ổn định, hơn nữa cháu Linh S từ trước đến nay đều do một mình chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu đang còn nhỏ(40 tháng tuổi) đang trong giai đoạn phát triển quan trọng về thể chất và tinh thần, cần có sự gần gủi, quan tâm chăm sóc trực tiếp từ người mẹ để bảo đảm sự phát triển cho cháu về mọi mặt. Căn cứ vào quyền lợi

mọi mặt của con. Để đảm bảo tốt nhất các điều kiện ăn, ở, học tập và sự phát triển của cháu về thể lực, trí lực thì việc giao cháu Hà Linh S cho nguyên đơn Hà Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Từ những căn cứ phân tích nêu trên, xét về các điều kiện để nuôi dưỡng chăm sóc, nuôi dạy con cái thì giao cháu Hà Linh S cho chị D nuôi dưỡng là cần thiết để cháu hoàn thiện cả về thể chất lẫn tinh thần. Vì vậy xem xét giao cháu Hà Linh S cho chị D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

2.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn Hà Thị D yêu cầu bị đơn Hà Văn H cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng đối với cháu Hà Linh S là 1.000.000đ/ tháng, xét thấy bị đơn công việc và thu nhập không ổn định, do đó mức đề nghị như vậy là cao so với thu nhập của bị đơn. Căn cứ vào mức thu nhập của lao động phổ thông tại địa phương, buộc bị đơn hàng tháng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Hà Linh S số tiền 800.000đ(Tám trăm nghìn đồng)/tháng kể từ tháng 10/2017 cho đến khi cháu Hà Linh S đến tuổi trưởng thành(đủ 18 tuổi). Bị đơn Hà Văn H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc cháu Hà Linh S không ai được ngăn cản

2.4. Về tài sản, công nợ: Chị D và anh H đều khai không có nên HĐXX không xem xét giải quyết.

2.4.Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5, điểm a, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016. Nguyên đơn Hà Thị D phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm; bị đơn Hà Văn H phải chịu án phí cấp dưỡng định kỳ nuôi con chung.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81,82,83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, các Điều 147, 238, 271 và 273 BLTTDS 2015; Điểm a, khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016.

1. Về hôn nhân:

Xử: Cho nguyên đơn Hà Thị D được ly hôn với bị đơn Hà Văn H.

2. Về con cái:

Giao cháu Hà Linh S cho nguyên đơn Hà Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, buộc bị đơn Hà Văn H hàng tháng có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Hà Linh S số tiền 800.000đ(Tám trăm nghìn đồng)/tháng kể từ tháng 10/2017 cho đến khi cháu Hà Linh S đến tuổi trưởng thành(đủ 18 tuổi). Bị đơn Hà Văn H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc cháu Hà Linh S không ai được ngăn cản.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết các bên được làm đơn xin thay đổi nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí và các vấn đề khác:

Nguyên đơn Hà Thị D phải nộp **300.000đ**(Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự - HNGĐ sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà nguyên đơn Hà Thị D đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/ 0004151, ngày 26/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện QH, Thanh Hóa. Nguyên đơn Hà Thị D đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí HNGĐ sơ thẩm.

Bị đơn Hà Văn H phải chịu **300.000đ**(Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng định kỳ nuôi con chung.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện QH;
- Chi cục THADS huyện QH;
- Ban Tư pháp xã T;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Sỹ Hỷ